ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG HỒNG CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 152/TTr-UBND	*Hồng Châu, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc xin hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Phù Sa, phường Hồng Châu (Từ nhà ông Phụng đến nhà ông Kìm)

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông trên địa bàn phường Hồng Châu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và khu vực lân cận nói chung. Căn cứ vào khả năng bố trí nguồn vốn ngân sách của địa phương, UBND phường Hồng Châu kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên xem xét hỗ trợ kinh phí cho UBND phường

Hồng Châu để thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Phù Sa, phường Hồng Châu (Từ nhà ông Phụng đến nhà ông Kìm) với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Phù Sa, phường Hồng Châu (Từ nhà ông Phụng đến nhà ông Kìm).

2. Địa điểm xây dựng: Phường Hồng Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: UBND phường Hồng Châu.

4. Cấp quyết định đầu tư: UBND phường Hồng Châu.

5. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng phường Hồng Châu.

6. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

7. Loại dự án: Dự án nhóm C.

8. Sự cần thiết phải đầu tư:

Phường Hồng Châu với vị trí thuận lợi và sự hỗ trợ từ các chính sách phát triển sau sáp nhập, đang dần trở thành một trung tâm kinh tế sôi động. Khu vực này không chỉ nổi bật với các hoạt động thương mại mà còn phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ du lịch. Vì vậy đầu tư xây dựng dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Phù Sa, phường Hồng Châu (Từ nhà ông Phụng đến nhà ông Kìm) mang ý nghĩa phát triển kết nối hạ tầng giao thông của phường Hồng Châu nói riêng, của tỉnh Hưng Yên nói chung cũng như việc thúc đẩy phát triển du lịch, bảo tồn nghề thủ công truyền thống và phát triển vùng nông nghiệp trọng điểm trên địa bàn phường mang ý nghĩa rất lớn thì việc đầu tư xây dựng hoàn thiện dự án là vô cùng đúng đắn và bức thiết trong giai đoạn hiện nay.

9. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Phù Sa, phường Hồng Châu (Từ nhà ông Phụng đến nhà ông Kìm) giải quyết kịp thời tình trạng ngập úng khu vực, đáp ứng nhu cầu đi lại, phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp của nhân dân địa phương.

10. Quy mô dự kiến đề xuất đầu tư:

10.1. Quy mô xây dựng:

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV;
- Cấp đường: Đường giao thông nông thôn, cấp C;
- Tải trọng trục xe thiết kế: 6T;
- Vận tốc thiết kế: 20km/h;
- Tổng chiều dài tuyến đường thiết kế khoảng L= 100,0m

10.2. Giải pháp thiết kế:

- Bình đồ tuyến: Tim tuyến cơ bản theo tim tuyến đường cũ.
- Trắc dọc tuyến: Trên cơ sở mặt đường cũ và các điểm khống chế, thiết kế cao độ mặt đường đảm bảo chiều dày kết cấu và êm thuận toàn tuyến.

- Trắc ngang tuyến:

+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = (2,5÷3,0)m; dốc ngang mặt đường i=2%.

- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

- Thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp với quy mô và cấp hạng tuyến đường;

11. Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp.

12. Tổng mức đầu tư dự kiến: **900.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng./.)*

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%

14. Thời gian thực hiện: Năm 2027.

UBND phường Hồng Châu kính đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Sở Tài chính tỉnh quan tâm, giúp đỡ bố trí kinh phí để dự án sớm được triển khai thực hiện. UBND phường Hồng Châu cam kết sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ để đầu tư xây dựng công trình nêu trên đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh./.

Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 02/11/2026 14:32:47

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Chủ tịch, PCT UBND phường;
- Ban QLDA ĐTXD phường;
- Phòng KTHTĐT phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG HỒNG CHÂU T.HƯNG YÊN

Lâm Bá Quyết

Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 02/11/2026 14:32:47

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026)

.... , ngày .... tháng .... năm .....

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP KÈ AO, ĐƯỜNG VÀO VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ ĐÌNH AN CHÂU

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**1.918.267.652**	**153.461.412**	**2.071.729.000**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				1.897.396.293	151.791.703	2.049.187.996	
1.1.1	Hạng mục 1		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	1.897.396.293	151.791.703	2.049.187.996	
1.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	20.871.359	1.669.709	22.541.068	Gxdlt
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3,446%**		**(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**65.384.276**	**5.230.742**	**70.615.000**	**Gqlda**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**169.508.679**	**13.560.694**	**193.245.000**	**Gtv**
3.1	Chi phí khảo sát địa hình							
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.5 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	4,704%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	89.253.522	7.140.282	96.393.804	
3.3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,258%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	4.895.282	391.623	5.286.905	
3.4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Bảng 2.20 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,25%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	4.743.491	379.479	5.122.970	
3.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.22 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,432%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	8.286.916	662.953	8.949.869	
3.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	62.329.468	4.986.357	67.315.825	
3.7	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,030%		Dự toán gói thầu XD+TB sau thuế x tỷ lệ			5.000.000	

3.8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB sau thuế x tỷ lệ			2.175.316	
3.9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB sau thuế x tỷ lệ			3.000.000	
4	**Chi phí khác**				**43.058.761**	**2.304.701**	**45.363.000**	**Gk**
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 220/2026/NĐ-CP)	0,15%		Gxd sau thuế x tỷ lệ	3.073.782	245.903	3.319.685	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,57%		Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	14.250.000		14.250.000	
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,96%		Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	24.000.000	1.920.000	25.920.000	
4.4	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	15%		Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật x tỷ lệ	1.734.979	138.798	1.873.777	
5	**Chi phí dự phòng**						**119.048.000**	**Gdp**
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			119.047.600	
	Tổng cộng				**2.196.219.368**	**174.557.549**	**2.500.000.000**	**Gxdct**
	Làm tròn						**2.500.000.000**	
Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng./.								